

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **122/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-12-2017.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Thủy.**

2. Ông Phạm Đình Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Lý** – Kiểm sát viên sơ cấp.

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **440/2017/TLST-HNGĐ** ngày 27 tháng 7 năm 2017, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **132/2017/QĐST-HNGĐ** ngày 13 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Quốc T** - Sn: 1982. (*Có mặt*)

Đăng ký thường trú: Ấp 2, xã XH, huyện XL, Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Thợ điện lạnh.

*** Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Trúc P** - Sn: 1988. (*Vắng mặt*)

Đăng ký thường trú: Ấp 2, xã XH, huyện XL, Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 134, tổ 8, ấp V, xã CP, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Nghề nghiệp: Công nhân.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-7-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Trúc P cùng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, vào năm 2008. Cuộc sống vợ

chồng xảy ra mâu thuẫn do chị P quan hệ với người đàn ông khác, anh chị sống ly thân từ tháng 4-2016 đến nay. Anh nhận thấy không thể duy trì cuộc sống chung của vợ chồng nên anh yêu cầu được ly hôn chị P.

Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Bảo R, sinh ngày 06-7-2009 và Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 05-9-2011, hiện cả 02 người con đang sống cùng chị P, khi ly hôn anh đồng ý giao cả 02 người con chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Chị Nguyễn Thị Trúc P (bị đơn) trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về diễn biến cuộc hôn nhân, con chung, tài sản và nợ giữa chị và anh T. Nhận thấy cuộc sống chung không thể duy trì nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con tên Nguyễn Bảo R, sinh ngày 06-7-2009 và Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 05-9-2011, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh T, anh T được ly hôn chị P, chị P được trực tiếp nuôi 02 người con chung, tạm miễn khoản cấp dưỡng nuôi con cho anh T, về tài sản và nợ không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Trúc P có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị P.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số: 139/TP, Quyền số: 01/2008, ngày 20-8-2008 của Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai cấp cho anh T – chị P đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị Trúc P là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do chị P quan hệ với người đàn ông khác, chị P trình bày anh T hay ăn nhậu về nhà chửi mắng chị, anh chị không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P không đến Tòa án để hòa giải, cho thấy chị không có thiện chí vợ chồng cùng nhau giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ. Chứng tỏ hôn nhân của anh T – chị P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:*

Anh T và chị P thống nhất có 02 người con chung tên Nguyễn Bảo R, sinh ngày 06-7-2009 và Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 05-9-2011, chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con. Xét thấy, các con của anh chị hiện đang sống cùng chị P, thời gian qua chị P chăm sóc các con đảm bảo. Do đó, giao cả 02 người con chung Nguyễn Bảo R và Nguyễn Trúc Q cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] *Về tài sản:* Anh T và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ chung:* Anh T và chị P trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí:*

Anh Nguyễn Quốc T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị Trúc P.

2. Về nuôi con chung:

Giao 02 người con chung tên Nguyễn Bảo R, sinh ngày 06-7-2009 và Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 05-9-2011 cho chị Nguyễn Thị Trúc P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi chị P và anh T có yêu cầu khác.

Tạm miễn khoản cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Quốc T.

Anh T được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Quốc T nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền tạm ứng án phí anh T nộp theo Biên lai thu tiền số: **000148** ngày **24-7-2017**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết toàn sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XH;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng